

---

# ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀ TĂNG TRƯỞNG NGÀNH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

**Nguyễn Thị Mỹ Nguyệt**  
Trường Đại học Thương mại  
Email: mynguyet@tmu.edu.vn  
**Nguyễn Hoàng Việt**  
Trường Đại học Thương mại  
Email: nhviet@tmu.edu.vn

Ngày nhận: 26/3/2021  
Ngày nhận bản sửa: 16/4/2021  
Ngày duyệt đăng: 05/6/2021

## **Tóm tắt:**

*Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là nguồn vốn đầu tư quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong đó có ngành nông nghiệp. Bài viết này tập trung phân tích tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp đến tăng trưởng của ngành nông nghiệp và rút ra một số hàm ý giải pháp trong việc tập trung thu hút nguồn vốn FDI góp phần thúc đẩy tăng trưởng cho lĩnh vực nông nghiệp trong thời gian tới. Nghiên cứu sử dụng bộ dữ liệu FDI và tăng trưởng ngành nông nghiệp Việt Nam trong giai đoạn 2001-2019 được trích rút từ niên giám thống kê, Cục đầu tư nước ngoài và Ngân hàng thế giới để thực hiện phân tích bình phương tối thiểu OLS. Kết quả cho thấy, FDI là dòng vốn có tác động tích cực đối với tăng trưởng ngành nông nghiệp Việt Nam trong những năm vừa qua.*

**Từ khóa:** FDI, FDI nông nghiệp, tăng trưởng nông nghiệp, tăng trưởng nông nghiệp Việt Nam.

**Mã JEL:** Q18, O13

## **Foreign direct investment and agricultural sector growth in Vietnam**

### *Abstract:*

*Foreign direct investment (FDI) has always been an important source of Vietnamese economic growth and agricultural sector. This study focuses on the relationship between the agriculture sector's FDI and its growth and proposes implications for promoting the role of this source of investment in agricultural growth in the future. The 2001-2019 time series data from General Statistics Office, Foreign Investment Agency of Vietnam and World Bank database were analyzed using ordinary least squares. The results show that FDI has a positive impact on the agricultural sector growth in Vietnam.*

*Keywords:* Foreign direct investment, foreign direct investment in agricultural sector, agricultural sector growth, agricultural sector growth in Vietnam

*JEL codes:* Q18, O13

## **1. Đặt vấn đề**

Cho đến nay khu vực FDI ngày càng thể hiện được vai trò quan trọng và đóng góp đáng kể cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Theo dữ liệu thống kê của Cục đầu tư nước ngoài (2019), FDI hiện đóng góp khoảng 20% GDP và là nguồn vốn bổ sung quan trọng cho vốn đầu tư phát triển các ngành kinh tế của cả nước. FDI cũng được đánh giá là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng ngành nông nghiệp Việt Nam. FDI trong lĩnh vực nông nghiệp đã có những tác động tích cực, tạo nguồn vốn, kỹ thuật cho phát triển nông nghiệp, nông thôn. FDI trong nông nghiệp giúp nền nông nghiệp Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu, cải thiện năng suất, chất lượng, hiệu quả và tính cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp. FDI trong nông nghiệp luôn được coi là các lĩnh vực được khuyến khích và đặc biệt khuyến khích đầu tư. Nếu được phát huy tốt, FDI trong nông nghiệp cùng với các nguồn đầu tư trong nước khác có thể góp phần

chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn, thúc đẩy sự phát triển các tiểu ngành có lợi thế so sánh, tạo việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, đồng thời thông qua đó góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn Việt Nam.

Tuy dòng vốn FDI vào Việt Nam và các ngành khác trong vùng đang có xu hướng gia tăng mạnh thì FDI vào nông nghiệp không có sự tăng trưởng trong khoảng thời gian khá dài, vốn đầu tư vào nông nghiệp rất hạn chế thể hiện ở kết quả thu hút nguồn vốn FDI vào lĩnh vực này chỉ đạt 1,7% tổng số dự án và 1% tổng số vốn FDI vào Việt Nam (Cục đầu tư nước ngoài, 2019). Mức tăng trưởng nông nghiệp Việt Nam những năm qua có xu hướng giảm từ mức 3,13% giai đoạn 2011-2015 xuống 2,71% trong giai đoạn 2016 – 2019. Trong khi nông nghiệp là ngành có đóng góp quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam với 46% lao động toàn xã hội và tạo ra khoảng 17% GDP Việt Nam (Tổng cục Thống kê, 2019). Điều này đi ngược với xu hướng FDI vào các ngành khác của cả nước và đi ngược với dòng vốn FDI đầu tư cho nông nghiệp của thế giới.

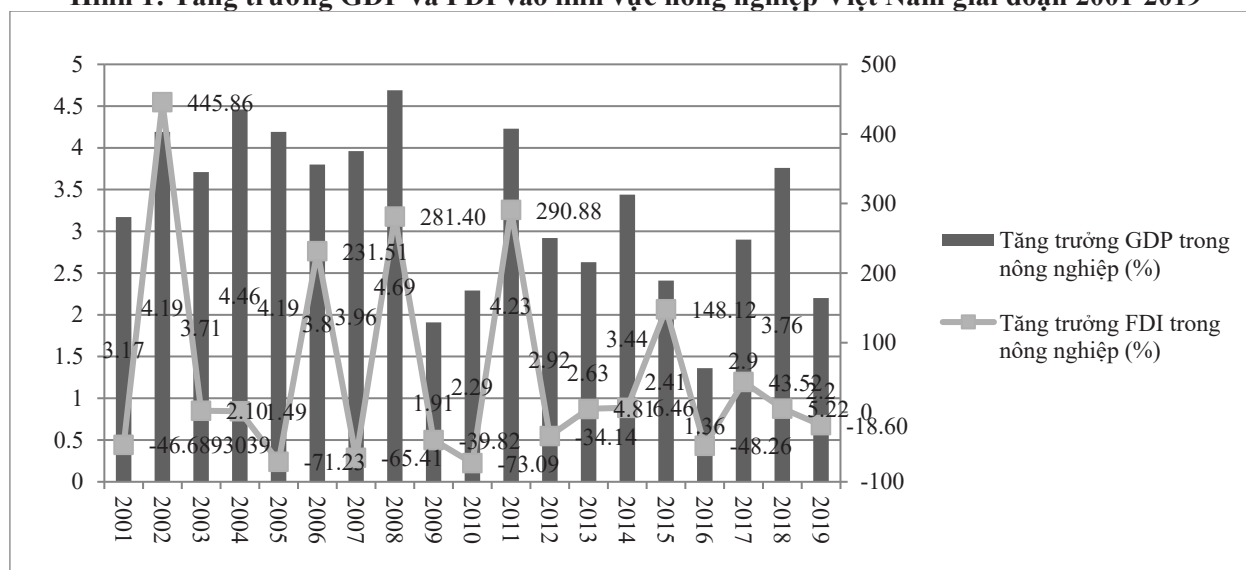
Trên cơ sở nghiên cứu và đánh giá thực trạng thu hút FDI trong ngành nông nghiệp và xem xét tác động của FDI trong ngành nông nghiệp đối với tăng trưởng của ngành nông nghiệp hiện nay là vấn đề cần thiết để khẳng định vai trò của nguồn vốn này trong phát triển nông nghiệp trong nước, đồng thời để xác định các đòn bẩy chính sách có thể được thiết kế nhằm tối đa hóa cả dòng vốn đầu tư vào và thu được vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam.

## 2. Tình hình FDI và tăng trưởng ngành nông nghiệp Việt Nam

### 2.1. Tăng trưởng lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam

Trong những năm vừa qua, ngành nông nghiệp Việt Nam đã duy trì tăng trưởng và đang chuyển mạnh theo hướng sản xuất hàng hóa với quy mô, năng suất và chất lượng ngày càng cao. Chất lượng tăng trưởng ngày càng được cải thiện, tỷ lệ giá trị gia tăng trong tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp tăng lên từ 57% năm 2010 đến gần 80% năm 2018 (Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, 2019). Cụ thể, tốc độ tăng trưởng GDP toàn ngành nông nghiệp giai đoạn 2001-2019 đạt 3,27%/ năm trong đó giai đoạn 2001-2010 ở mức 3,63%/ năm và giảm xuống 2,87% giai đoạn 2011-2020. Kết quả tăng trưởng ngành nông nghiệp vượt qua kế hoạch mục tiêu giai đoạn 2016-2020 mà ngành nông nghiệp đề ra, nhưng không đạt mục tiêu tăng 3,6%-4%/ năm do Chính phủ đề ra. Mặt khác, tốc độ tăng trưởng nông nghiệp Việt Nam không duy trì được sự ổn định trong những năm qua, chỉ số tăng trưởng không theo chu kỳ, có sự sụt giảm nghiêm trọng trong một số năm như 2016 (1,36%). Nguyên nhân chính là do các khó khăn về kinh tế trong nước cũng như quốc tế, mặt khác ngành nông nghiệp của nước ta còn những hạn chế nội tại của nền sản xuất nhỏ, trình độ thấp

**Hình 1: Tăng trưởng GDP và FDI vào lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2001-2019**



Nguồn: Tổng hợp từ niên giám thống kê giai đoạn 2001-2019.

chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của thời tiết, dịch bệnh.

## 2.2. Tình hình thu hút FDI vào ngành nông nghiệp

Về quy mô và số lượng dự án

Tính theo số dự án còn hiệu lực đến thời điểm 31/12/2020, ngành nông nghiệp đứng thứ 10 cả về tổng số

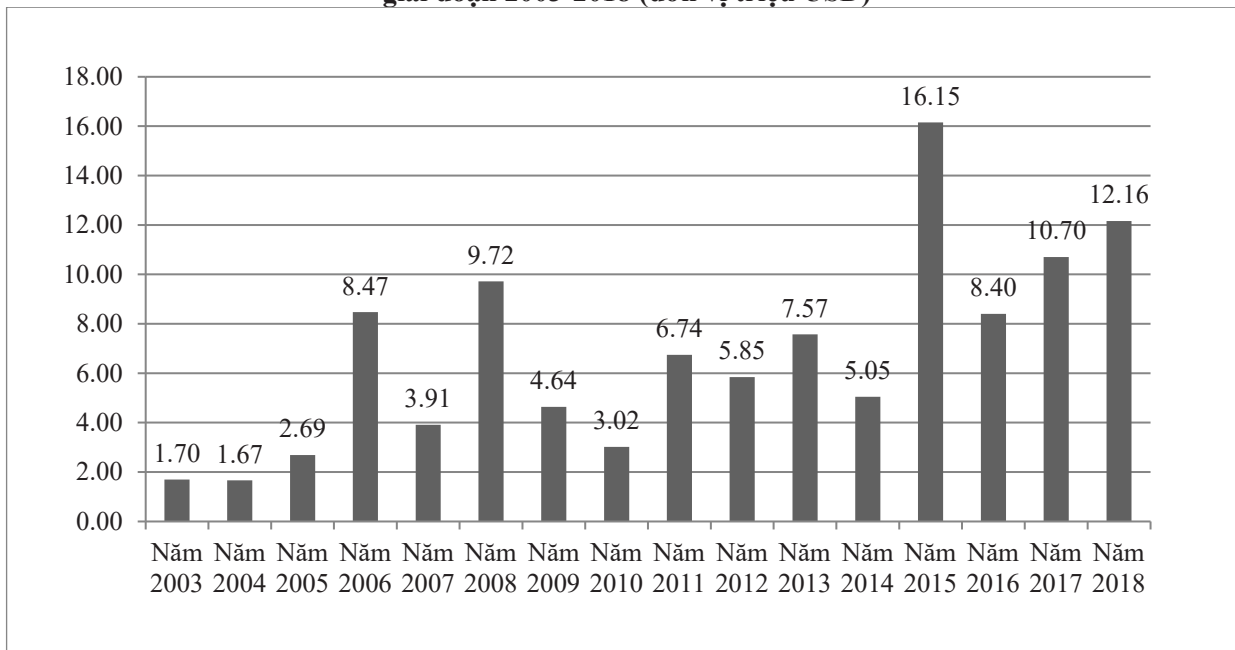
**Bảng 1: Tổng số dự án và quy mô vốn đầu tư FDI vào lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam năm 2019**

TT	Ngành	Số dự án	Tổng vốn đăng ký (triệu USD)	Tỷ trọng
1	Công nghiệp chế biến, chế tạo	14.463	214.610,4	63,18%
2	Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy, xe có động cơ khác	4.572	8.154,9	2,40%
3	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	3.238	3.447,8	1,02%
4	Thông tin và truyền thông	2.149	3.875,4	1,14%
5	Xây dựng	1.696	10.406,0	3,06%
6	Hoạt động kinh doanh bất động sản	871	58.439,0	17,21%
7	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	842	11.990,2	3,53%
8	Vận tải, kho bãi	828	5.091,7	1,50%
9	Giáo dục và đào tạo	526	4.376,2	1,29%
10	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	499	3.518,1	1,04%
11	Khác	1127	15746.1	4,63%
<b>Tổng số</b>		<b>30.811</b>	<b>339.655,8</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Tổng cục thống kê (2019).

vốn đăng ký và số lượng dự án với 3,52 tỷ USD chiếm 1,04% tổng vốn đăng ký và 499 dự án chiếm 1,16% tổng số dự án FDI trong toàn nền kinh tế. So với các ngành khác, số vốn và dự án vào lĩnh vực nông nghiệp vẫn còn chiếm cơ cấu nhỏ so với tổng đầu tư FDI của toàn khu vực. Hai ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và kinh doanh bất động sản là ngành thu hút trên 80% lượng vốn. Nguyên nhân chính là do thu hút dòng vốn FDI vào nông nghiệp phụ thuộc vào nhiều yếu tố, chủ yếu là do đặc thù của ngành nông nghiệp cần có

**Hình 2: Vốn FDI bình quân dự án vào lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2003-2018 (đơn vị triệu USD)**



Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài (2019).

---

diện tích đất đai lớn, chịu những rủi ro về thời tiết, thời gian hoàn vốn lâu, lợi nhuận thu được thường thấp hơn những ngành khác, do đó khó thu hút được vốn đầu tư vào lĩnh vực này.

#### *Về tổng vốn và vốn bình quân trên dự án FDI vào lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam*

Tổng vốn FDI vào nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2001-2019 có không có sự ổn định giữa các năm. Trong đó, ngành chứng kiến dòng vốn đổ vào ngành cao nhất năm 2015 với xấp xỉ 258 triệu USD cao gần hơn 8 lần so với năm thấp nhất 2001 với 41,4 triệu USD. Năm 2008 cũng ghi nhận là năm có bước đột phá trong thu hút đầu tư FDI trong nông nghiệp khi Việt Nam đón dòng vốn trị giá 223,5 triệu USD vào ngành mặc dù đang ở năm đầu tiên của khủng hoảng kinh tế (Hình 1). Về vốn bình quân trên dự án FDI vào nông nghiệp Việt Nam có sự thay đổi liên tục trong giai đoạn 2003-2015 và duy trì mức độ ổn định trong ba năm gần đây. Cụ thể mức vốn bình quân mỗi dự án vào nông nghiệp đạt 12,17 triệu USD/dự án, cao hơn so với trung bình trung của cả khu vực FDI khoảng 7,2 triệu USD/ dự án. Điều này thể hiện sự những nỗ lực tăng trưởng quy mô trên dự án FDI trong lĩnh vực này đang đạt được kết quả khả quan (Hình 2).

#### *Về cơ cấu đầu tư FDI vào lĩnh vực nông nghiệp theo hình thức và đối tác đầu tư*

Về hình thức đầu tư, các dự án đầu tư FDI vào lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam chủ yếu theo ba hình thức chính gồm: (i) 100% vốn đầu tư nước ngoài; (ii) Liên doanh và (iii) hợp đồng hợp tác kinh doanh. Trong đó chiếm ưu thế vẫn là hình thức 100% vốn đầu tư nước ngoài với xấp xỉ 80%, hai hình thức còn lại chiếm 20% tuy nhiên vẫn cao hơn so với khu vực FDI của cả nước. Mặt khác, ngành nông nghiệp Việt Nam chưa thu hút được nhiều dự án đến từ các quốc gia có thế mạnh về công nghệ. Cụ thể, 9/15 quốc gia có dự án đầu tư vào nông nghiệp Việt Nam đến từ châu Á như Đài Loan, Thái Lan, Hồng Kong, Nhật Bản... với số lượng dự án chiếm hơn 60% tổng dự án đầu tư trong lĩnh vực này. Trong khi các quốc gia phát triển như Hoa Kỳ, EU, Úc, Newzealand...

### **3. Tổng quan về FDI và tăng trưởng lĩnh vực nông nghiệp**

Đầu tư trực tiếp nước ngoài đã trở thành một xu hướng nổi bật trong nền kinh tế thế giới, nguồn vốn FDI là nguồn bổ sung quan trọng cho đầu tư phát triển, góp phần khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong nước, tạo thế và lực mới cho việc phát triển nền kinh tế. Theo tổ chức Thương mại thế giới WTO (2008), đầu tư trực tiếp nước ngoài xảy ra khi một nhà đầu tư từ một nước (nước chủ đầu tư) có được một tài sản ở một nước khác (nước thu hút đầu tư) cùng với quyền quản lý tài sản đó. Phương diện quản lý là thứ để phân biệt FDI với các công cụ tài chính khác. Trong phần lớn trường hợp, cả nhà đầu tư lẫn tài sản mà người đó quản lý ở nước ngoài là các cơ sở kinh doanh. Trong những trường hợp đó, nhà đầu tư thường hay được gọi là “công ty mẹ” và các tài sản được gọi là “công ty con” hay “chi nhánh công ty”. Liên hợp quốc UNCTAD (2012) đã định nghĩa FDI là khoản đầu tư dài hạn, phản ánh sự quan tâm và kiểm soát lâu dài của một công ty trong một nền kinh tế đối với công ty con ở một nền kinh tế khác thông qua việc thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế đủ lớn để giành quyền điều hành đối với tổ chức kinh tế đó; hoặc đầu tư theo hình thức hợp đồng hay thực hiện dự án. FDI đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển giao công nghệ, tạo việc làm, bổ sung vốn đầu tư trong nước, tăng cạnh tranh trong nước, tăng lương, nâng cao năng lực của người dân ở các nước đang phát triển.

Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất cơ bản của xã hội, sử dụng đất để trồng trọt và chăn nuôi, khai thác cây trồng và vật nuôi làm tư liệu và nguyên liệu lao động chủ yếu để tạo ra lương thực, thực phẩm và một số nguyên liệu cho nông nghiệp. Nông nghiệp là một ngành lớn, bao gồm nhiều chuyên ngành: trồng trọt, chăn nuôi, sơ chế nông sản; theo nghĩa rộng còn bao gồm cả lâm nghiệp và thủy sản (FAO, 2012). Đây là lĩnh vực phụ thuộc nhiều vào các yếu tố như cơ sở hạ tầng, tích tụ đất đai, nguồn nhân lực, nguồn cung cấp nguyên liệu, quy mô sản xuất nhỏ, manh mún... FDI vào nông nghiệp là dòng vốn bằng tiền hoặc các nguồn lực cần thiết của các nhà đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp nhằm tạo ra những tác động tích cực, tạo nguồn vốn, kỹ thuật cho phát triển nông nghiệp, nông thôn. Đây cũng là yếu tố góp phần quan trọng thúc đẩy tăng trưởng nông nghiệp hay nói cách khác là tăng năng suất nông nghiệp hoặc sản lượng nông nghiệp. Từ đó tăng cường đóng góp giá trị từ ngành nông nghiệp đối với tăng trưởng GDP trong nước.

---

Trên thực tế, nguồn vốn FDI đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng và phát triển nền kinh tế nói chung và một số ngành sản xuất nói riêng. Đã có nhiều nghiên cứu thực nghiệm xem xét mối quan hệ giữa FDI và tăng trưởng kinh tế, tuy nhiên các nghiên cứu thực nghiệm về tác động của FDI đối với tăng trưởng ngành nông nghiệp ở các quốc gia trên thế giới và Việt Nam còn khá thiếu vắng. Amani & cộng sự (2003) và Alfaro (2003) đã chứng minh vai trò quan trọng của FDI trong việc tăng năng suất và tăng trưởng nông nghiệp, có liên quan trực tiếp đến cải thiện điều kiện sống của người nghèo, bằng cách thu hẹp khoảng cách đầu tư và công nghệ mà người nghèo phải đối mặt. Các nghiên cứu này nhấn mạnh tại các nước thu nhập thấp, diện tích đất canh tác bình quân đầu người giảm, chi phí sản xuất cao, và dân số tăng nhanh đe dọa sự phát triển của ngành nông nghiệp. Vì thế dòng vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp của các nước này, đặc biệt là các nước phụ thuộc vào nông nghiệp là cần thiết để có được các đầu vào nông nghiệp cần thiết để tăng năng suất, đạt được tăng trưởng bền vững và xóa đói giảm nghèo. Các nghiên cứu thực nghiệm tập trung vào tác động của FDI đối với nông nghiệp đã chỉ ra rằng FDI có thể góp phần thu hẹp khoảng cách đầu tư vào các nước đang phát triển nông nghiệp. Hầu hết các nghiên cứu này đều chỉ ra rằng FDI có tác động tích cực đến sự phát triển của năng suất nông nghiệp ở nước chủ nhà. Adamassie & Matambalya (2002) đã xem xét sự tác động của FDI đến công nghệ, đất đai, việc làm và chính sách tín dụng trong lĩnh vực nông nghiệp ở Tanzania và chỉ ra mối quan hệ tích cực giữa hai yếu tố này, cụ thể khi dòng vốn FDI tăng lên một đơn vị sẽ giúp cho nông nghiệp tăng trưởng mười ba đơn vị. Adugna (2010) đã thực hiện nghiên cứu về tác động của FDI đối với tăng trưởng nông nghiệp ở Ethiopia thông qua bộ dữ liệu chuỗi thời gian 17 năm và nhận thấy tăng trưởng lĩnh vực nông nghiệp của quốc gia này được thể hiện thông qua khả năng cung cấp tín dụng, nông nghiệp, xuất khẩu sẽ tăng lên 0,2% khi FDI vào lĩnh vực này tăng lên một đơn vị. Tuy nhiên, nghiên cứu này cũng cho rằng sản xuất nông nghiệp cũng bị ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố khác như bất ổn chính trị và kinh tế. Oleyede (2014) nhận thấy rằng tồn tại một mối quan hệ tích cực giữa FDI và năng suất ngành nông nghiệp cả trong ngắn hạn và dài hạn thông qua kích thích đa dạng hóa thu nhập trong nước, trong đó lần lượt thúc đẩy ngành nông nghiệp. Tương tự, FAO (2014) tuyên bố rằng trong khi FDI không thể được kỳ vọng trở thành nguồn vốn chính, nó có thể có khả năng tạo ra nhiều loại lợi ích khác nhau cho ngành nông nghiệp của quốc gia nhận đầu tư như tạo việc làm, chuyển giao công nghệ và tiếp cận tốt hơn với vốn và thị trường. FDI vào nông nghiệp có thể nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp của một quốc gia bằng cách phát triển đầu tư vào thủy lợi và cơ sở hạ tầng nông nghiệp khác. Các nghiên cứu khác cho thấy rằng FDI có thể giúp tăng đất nông nghiệp và năng suất lao động thông qua đào tạo và giáo dục nông dân, tiếp cận tốt hơn với đầu vào của nông trại, áp dụng kỹ thuật canh tác tốt hơn và công nghệ nông nghiệp cải tiến để nâng cao mùa vụ sản lượng (Almfraji & Almsafir, 2014; Gorgen & cộng sự, 2009). FDI vào phát triển cơ sở hạ tầng có thể giúp cải thiện diện tích đất canh tác biên, từ đó dẫn đến việc sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai (Yiyong & cộng sự, 2015). Ngoài ra, FDI tăng cường khả năng tiếp cận của nông dân với thị trường trong nước và quốc tế thông qua cơ sở hạ tầng lưu trữ, vận chuyển và thông tin liên lạc được cải thiện. Hơn nữa, nước chủ nhà có thể được hưởng lợi nhiều hơn là kết quả của sự lan tỏa của công nghệ và kiến thức từ nước ngoài các quốc gia đầu tư.

Tuy nhiên, tác động tiêu cực của FDI đối với nông nghiệp cũng được chỉ ra ở một số nghiên cứu khác như hoạt động chuyển giao công nghệ và bí quyết quản lý, giới thiệu các quy trình và đào tạo nhân viên liên quan đến FDI có xu hướng liên quan đến nguồn nhân lực trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản hơn là lĩnh vực nông nghiệp. Theo Rakotoarisoa (2011), FDI vào nông nghiệp có thể gây ra những khó khăn cho chuỗi cung ứng thực phẩm đồng thời làm giảm thu nhập của các nhà cung cấp và nhà phân phối thực phẩm. Đặc biệt, Alfaro (2003) và Adewumi (2006) cho thấy FDI vào nông nghiệp có xu hướng tác động tiêu cực bởi nó đóng góp vào GDP nhưng không tăng phúc lợi cho người dân nước sở tại do các khoản đầu tư trong nông nghiệp luôn cần một thời gian dài để đạt được điểm hòa vốn cũng như sinh lợi nhuận. Mặt khác, một số dự án FDI trong nông nghiệp hướng đến mục tiêu lợi nhuận thường tận dụng lợi thế chi phí lao động thấp nhưng lại phải đối phó với tình trạng chi phí vận chuyển tăng và gián đoạn do hạ tầng dịch vụ logistics yếu kém. Đây là những yếu tố góp phần làm cho dòng vốn FDI vào nông nghiệp thấp, do đó góp phần nhỏ vào tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo. Akande & Biam (2011) đã kết luận không tồn tại mối quan hệ nhân

quả giữa đầu tư trực tiếp nước ngoài vào nông nghiệp và sản lượng nông nghiệp (được coi là tăng trưởng) ở Nigeria. Djokoto (2011) cũng thực hiện một phân tích nhân quả của tăng trưởng nông nghiệp và FDI vào nông nghiệp tại Ghana và kết luận rằng tăng trưởng nông nghiệp đòi hỏi các yếu tố kích thích khác ngoài FDI và FDI không góp phần tạo ra tăng trưởng trong lĩnh vực này.

Việc xem xét ảnh hưởng của nguồn vốn FDI và tăng trưởng trong lĩnh vực nông nghiệp thường được đặt trong bối cảnh sự ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế khác. Akinmulegun (2018) đã nhấn mạnh tăng trưởng ngành nông nghiệp chịu sự ảnh hưởng của toàn cầu hóa (do dòng vốn FDI vào ngành), mức độ mở cửa thị trường, tỷ giá hối đoái và chỉ số giá tiêu dùng. Mức độ mở cửa thị trường được thể hiện thông qua giá trị xuất nhập khẩu và tỷ giá tạo cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước tiếp cận với công nghệ, kỹ năng quản lý hiện đại từ nước ngoài từ đó thúc đẩy tăng trưởng ngành nông nghiệp (Adugna, 2010; Yiyong & cộng sự, 2015). Ngoài ra, một số nghiên cứu cũng khẳng định các yếu tố như tăng trưởng lao động trong khu vực nông thôn cũng đóng vai trò thúc đẩy tăng trưởng nông nghiệp, nó góp phần mở rộng thị trường nội địa, khuyến khích cạnh tranh để tạo ra sự tiến bộ và đổi mới công nghệ trong ngành nông nghiệp (Rakotoarisoa, 2011; Hoàng Xuân Diễm & Đỗ Thị Thu Thủy, 2019).

#### 4. Phương pháp nghiên cứu

Để đánh giá tác động của dòng vốn FDI vào nông nghiệp đến tăng trưởng của ngành, nghiên cứu sử dụng phương pháp bình phương nhỏ nhất thông thường (OLS). Đây là phương pháp ước lượng đơn giản và được sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu theo mô hình chuỗi thời gian. Các bước nghiên cứu được tiến hành cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, kiểm tra các thuộc tính của chuỗi dữ liệu phân tích thông qua đánh giá tính dừng, hiện tượng đa cộng tuyến của dữ liệu nghiên cứu. Các kỹ thuật được sử dụng bao gồm (1) thống kê mô tả các biến nghiên cứu; (2) phân tích ma trận hệ số tương quan và (3) kiểm định mức độ phù hợp mô hình.

*Thứ hai*, áp dụng phương pháp thống kê OLS được sử dụng để đánh mức độ ảnh hưởng của dòng vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp đến tăng trưởng nông nghiệp Việt Nam cùng với các biến khác như lãi suất, tỷ giá, xuất khẩu nông sản, lao động ngành nông nghiệp. Đồng thời phân tích các lỗi của mô hình như tự

**Bảng 2: Giải thích các biến trong mô hình nghiên cứu**

Mã hóa	Tên biến	Giải thích	Kỳ vọng tác động lên biến phụ thuộc	Nguồn dữ liệu
AGt	Tăng trưởng ngành nông nghiệp	Tốc độ tăng trưởng GDP trong lĩnh vực nông nghiệp hàng năm (%)		Tổng cục thống kê
FDI	Nguồn vốn FDI vào ngành nông nghiệp	Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực nông nghiệp hàng năm (%)	+	Cục đầu tư nước ngoài
EXA	Mức độ mở cửa thị trường nông nghiệp	Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu hàng nông sản hàng năm (%)	+	Tổng cục thống kê
LABA	Lao động trong ngành nông nghiệp	Tốc độ tăng trưởng lao động trong lĩnh vực nông nghiệp hàng năm (%)	+	Tổng cục thống kê
EXR	Tỷ giá hối đoái trong nước	Tỷ lệ thay đổi tỷ hối đoái thực trong nước hàng năm (%)	+	Ngân hàng thế giới
CRE	Lãi suất cho vay	Lãi suất cho vay bình quân năm (%)	-	Ngân hàng thế giới
$\beta_{0-6}$		Tham số ước lượng		
$\mu$		Sai số		

*Nguồn: Tác giả tổng hợp.*

tương quan, đa cộng tuyến và phương sai thay đổi.

*Thứ ba*, từ các kết quả nghiên cứu thu được, tiến hành phân tích và thảo luận, từ đó rút ra các kết luận và một vài hàm ý chính sách.

Khung phân tích tác động của yếu tố FDI đến tăng trưởng ngành nông nghiệp dựa trên việc xem xét tất cả các yếu tố có ý nghĩa và đóng góp giá trị cho tăng trưởng GDP trong ngành nông nghiệp. Dựa trên các nghiên cứu thực nghiệm đã được tổng quan bao gồm Akinmulegun (2018), Adugna (2010), Yiyong & cộng sự (2015), tăng trưởng ngành nông nghiệp Việt Nam được xác định bởi các yếu tố như dòng vốn FDI vào ngành, giá trị xuất khẩu nông sản, lao động hoạt động trong ngành, tỷ giá hối đoái và lãi suất. Nghiên cứu sử dụng bộ dữ liệu thứ cấp dưới dạng chuỗi thời gian hàng năm được thu thập và tổng hợp từ Tổng cục thống kê, Ngân hàng thế giới và Cục đầu tư nước ngoài. Trong đó, kỳ vọng đánh giá được mức độ tác động FDI vào tăng trưởng lĩnh vực nông nghiệp tại Việt Nam, nghiên cứu xem xét mức độ đóng góp của yếu tố này như một yếu tố bổ sung vào tốc độ tăng trưởng của lĩnh vực nông nghiệp. Trong đó biến phụ thuộc tăng

**Bảng 3: Kết quả thống kê mô tả các biến trong mô hình**

	AG	FDIA	EXA	CRE	LABA	EXR
Trung bình	3,4400	2,1003	7,4383	12,2500	-0,1029	1,5200
Lớn nhất	4,6900	445,8599	32,32201	21,6000	2,5039	10,1900
Nhỏ nhất	1,3600	-73,0855	-8,0663	4,5000	-7,7787	0,5100
Sai số chuẩn	0,9512	149,5955	11,8140	4,1631	2,7678	2,7339
Số quan sát	19	19	19	19	19	19

*Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu.*

tăng trưởng ngành nông nghiệp và các biến độc lập nguồn vốn FDI, tình hình xuất khẩu nông sản, lao động trong ngành nông nghiệp, tỷ giá hối đoái và lãi suất là các biến độc lập được kỳ vọng có mối quan hệ tương quan. Trong đó, phương trình hồi quy ước lượng như sau:

**Bảng 4: Kết quả phân tích tương quan**

	AG	FDIA	EXA	CRE	LABA	EXR
AG	1					
FDIA	0,47249	1				
EXA	0,63448	0,22448	1			
CRE	0,40764	0,26973	0,64031	1		
LABA	0,51046	0,18044	0,36996	0,516931	1	
EXR	-0,09144	0,21625	0,29244	0,18027	0,18518	1

*Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu.*

$$AG = f(FDIA, EXA, LABA, EXR, CRE)$$

Mô hình được sử dụng trong phân tích được đưa về dạng cụ thể như sau:

$$AG_t = \beta_0 + \beta_1 FDIA + \beta_2 EXA + \beta_3 LABA + \beta_4 EXR + \beta_5 CRE + \mu$$

## 5. Kết quả nghiên cứu

Kết quả thống kê mô tả (Bảng 3) cho thấy, tăng trưởng GDP nông nghiệp tại Việt Nam trong giai đoạn 2001-2019 đạt 3,44%, trong đó tỷ lệ này cao nhất vào năm 2008 (4,69%) gấp xấp xỉ 3.5 lần so với năm 2016 (1,36%). Tốc độ tăng trưởng vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp của nước ta trong giai đoạn này đạt mức cao nhất 445,85% vào năm 2002 và mức thấp nhất -73,08% năm 2010.

**Bảng 5: Kết quả phân tích hồi quy**

Variable	Coefficient	Std. Error	t-Statistic	Prob.
C	3,874268	0,565071	6,856247	0,0000
FDIA	0,002594	0,000913	2,841553	0,0139
EXA	0,055763	0,014675	3,799843	0,0022
CRE	-0,063898	0,044506	-1,435725	0,1747
LABA	0,137593	0,054971	2,503008	0,0264
EXR	-0,141242	0,050376	-2,803745	0,0149
R-squared	0,759696		Prob(F-statistic)	0,001078
Adjusted R-squared	0,667271		Durbin-Watson stat	1,750959
F-statistic	8,219628			

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu.

Kết quả phân tích tương quan nhằm kiểm tra hiện tượng đa cộng tuyến (Bảng 4) chỉ ra hệ số tương quan giữa các biến đưa vào phân tích trong mô hình cao nhất 0,64031 và đều nhỏ hơn 0,7. Trong đó tồn tại sự tương quan ngược chiều giữa tăng trưởng GDP trong nông nghiệp với tỷ giá hối đoái trong nước.

Nghiên cứu tiến hành phân tích hồi quy theo phương pháp OLS giữa biến phụ thuộc là GDP vào lĩnh vực nông nghiệp và các biến độc lập bao gồm: FDI vào nông nghiệp (FDIA), xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp (EXA), lãi suất (CRE), lao động trong lĩnh vực nông nghiệp (LABA) và tỷ giá hối đoái giữa VNĐ/ USD (EXR). Kết quả phân tích hồi quy cho thấy với hệ số R bình phương hiệu chỉnh ở mức 0.6672 có nghĩa là có khoảng 66,72% phương sai tăng trưởng nông nghiệp Việt Nam được giải thích bởi 5 biến độc lập nêu trên, còn lại là các yếu tố khác.

Trong đó, hệ số hồi quy của yếu tố FDI trong nông nghiệp (FDIA) là 0,02259 cho thấy sự tăng lên của một đơn vị FDI đóng góp cho tăng trưởng nông nghiệp 0,02259 đơn vị ở mức ý nghĩa 5%. Điều này thể hiện

**Bảng 6: Kết quả kiểm định Breusch-Godfrey, White**

Breusch-Godfrey Serial Correlation LM Test:

F-statistic	1,425982	Prob. F(2,12)	0,2782
Obs*R-squared	3,648495	Prob. Chi-Square(2)	0,1613

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu.

**Bảng 7: Kết quả kiểm định White**

Heteroskedasticity Test: White

F-statistic	1,177160	Prob. F(14,4)	0,4828
Obs*R-squared	15,28911	Prob. Chi-Square(14)	0,3587
Scaled explained SS	13,65461	Prob. Chi-Square(14)	0,4757

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu.

**Bảng 8: Kết quả kiểm định Breusch-Pagan-Godfrey**

Heteroskedasticity Test: Breusch-Pagan-Godfrey

F-statistic	0,236666	Prob. F(4,14)	0,9130
Obs*R-squared	1,203385	Prob. Chi-Square(4)	0,8775
Scaled explained SS	1,074736	Prob. Chi-Square(4)	0,8983

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu.



---

FDI có đóng góp nhưng không đáng kể đối với tăng trưởng nông nghiệp. Kết quả tương tự với kết quả của Kareem & cộng sự (2013), Ajuwoni & Ogwumike (2013). Yếu tố giá trị xuất khẩu nông sản có ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng nông nghiệp (hệ số hồi quy 0,0557 và p đạt  $0,002 < 0,05$ ). Kết quả này có ý nghĩa là giá trị xuất khẩu nông sản tăng lên một đơn vị sẽ làm cho nông nghiệp tăng trưởng 0,0557 đơn vị. Yếu tố lao động trong ngành nông nghiệp có ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng của lĩnh vực này được thể hiện thông qua hệ số hồi quy 0,1375 (p đạt 0,026). Điều này cho thấy lao động trong lĩnh vực nông nghiệp tăng lên một đơn vị đóng góp cho tăng trưởng nông nghiệp 0,1375 đơn vị. Kết quả phân tích hồi quy cũng cho thấy yếu tố lãi suất (CRE) có mức ý nghĩa  $> 0,05$ , điều này thể hiện mức độ ảnh hưởng của yếu tố này với tăng trưởng nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2001 – 2019 không có ý nghĩa thống kê. Yếu tố tỷ giá hối đoái được xác định là có tác động tiêu cực đến tăng trưởng nông nghiệp, khi yếu tố này tăng lên một đơn vị sẽ làm tăng trưởng nông nghiệp giảm 0,1412 đơn vị.

Hệ số Durbin Watson của mô hình hồi quy (Bảng 6) đạt 1,75 cho thấy không tồn tại hiện tượng tự tương quan trong mô hình. Mặt khác, kết quả kiểm định tự tương quan Breusch-Godfrey cũng cho thấy giá trị F là 1,4259 và giá trị p đạt 0,1613, điều này kết luận mô hình không tồn tại hiện tượng tự tương quan.

Kiểm định Breusch-Pagan-Godfrey đối với phương sai thay đổi cho thấy không có phương sai thay đổi trong mô hình. Giá trị của thống kê F là 0,2366 và giá trị p là 0,8983 lớn hơn mức ý nghĩa 0,05, do đó bác bỏ giả thiết về độ đồng biến ở mức độ tin cậy 95%. Kiểm định White cho mô hình cho thấy thống kê F là 1,4259 và giá trị p là 0,1613 cũng lớn hơn mức ý nghĩa 0,05. Điều này chấp nhận giả định về sự đồng biến trong mô hình và kết luận rằng có phương sai thay đổi.

## 6. Kết luận và hàm ý chính sách

Nghiên cứu này chủ yếu phân tích tác động của nguồn vốn FDI đối với tăng trưởng nông nghiệp tại Việt Nam trong giai đoạn 2001-2019, đồng thời mô tả xu hướng tăng trưởng của nguồn vốn này trong ngành nông nghiệp trong bối cảnh của các biến số kinh tế vĩ mô khác như tỷ giá hối đoái, lãi suất. Kết quả nghiên cứu cho thấy 66,72% sự thay đổi trong tăng trưởng nông nghiệp có thể được giải thích bởi giá trị FDI vào ngành này và các yếu tố kinh tế vĩ mô khác. Cụ thể, có tồn tại mối quan hệ tác động nhân quả giữa hai yếu tố nhưng không đáng kể, điều này nhấn mạnh tăng trưởng ngành nông nghiệp trong những năm qua được đóng góp bởi một phần nhỏ từ dòng vốn FDI vào ngành, trong khi đó các yếu tố tăng trưởng lao động, tăng trưởng xuất khẩu hàng nông sản đóng góp quan trọng hơn trong tăng trưởng ngành nông nghiệp trong giai đoạn phân tích. Có thể thấy, dòng vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp chưa thúc đẩy tăng trưởng bền vững cho lĩnh vực này trong giai đoạn 2001-2019. Do đó, để thúc đẩy sự phát triển của ngành nông nghiệp đòi hỏi các nhà quản lý và hoạch định chính sách phải có các giải pháp đồng bộ bao gồm:

*Thứ nhất*, Chính phủ nên gia tăng các chính sách nhằm khuyến khích và tăng cường thu hút nguồn vốn FDI vào lĩnh vực nông nghiệp nhằm tăng cường vốn đầu tư, đổi mới năng lực công nghệ, tăng quy mô và cải thiện năng suất trong lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam. Cần có những chủ trương đúng đắn trong thúc đẩy các hoạt động đầu tư mới, liên doanh hoặc hợp tác giữa các nhà đầu tư trong và ngoài nước trong phát triển nông nghiệp.

*Thứ hai*, cần tạo dựng các chính sách thương mại xuất khẩu nông sản và thúc đẩy xuất khẩu trong đó chính sách phát triển thị trường đã trở thành vấn đề trọng yếu của nông nghiệp Việt Nam hiện nay. Tăng năng suất, chất lượng phải đi đôi với việc hoạch định cơ cấu thị trường để từng bước xác lập vị thế của từng ngành hàng nông sản Việt Nam trên thị trường toàn cầu và ưu tiên các nguồn lực phát triển.

*Thứ ba*, để hoàn thành sứ mệnh phát triển nông nghiệp, nông dân Việt Nam, cần cụ thể hóa những yêu cầu của thị trường nông sản thế giới thành những chuẩn mực để nhanh chóng phát triển nông nghiệp nước nhà thành nền nông nghiệp thông minh - công nghệ cao, tập trung phát triển nguồn nhân lực ngành nông nghiệp đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, hướng tới nông dân có kỹ năng chuyên nghiệp hiệu quả.

**Phụ lục: Dữ liệu nghiên cứu**

Năm	Tăng trưởng GDP trong nông nghiệp (%)	Giá trị FDI vào nông nghiệp (triệu USD)	Tăng trưởng FDI trong nông nghiệp (%)	Tỷ lệ lạm phát (%)	Lao động trong nông nghiệp (người)	Tốc độ tăng trưởng lao động trong nông nghiệp (%)	Hệ số tự do kinh tế (đơn vị phần trăm)	Lãi suất (%)	Tốc độ tăng trưởng tỷ giá hối đoái (%)	Giá trị xuất khẩu nông sản (triệu USD)	Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu nông sản (%)
2001	3,17	31,4	-46,68	0,8	24.481.000	-0,08	44,3	4,5	3,93	4.413,7	4,78
2002	4,19	171,4	445,85	4	24.455.800	-0,10	45,6	10,7	3,77	4.716,1	6,85
2003	3,71	175	2,10	3	24.443.400	-0,05	46,2	11,2	1,51	5.066,9	7,43
2004	4,46	117,6	1,48	9,5	24.430.700	-0,05	46,1	14,5	1,52	5.975,5	17,93
2005	4,19	51,1	-71,22	8,4	24.257.100	-0,71	48,1	15,2	0,71	7.451,4	24,69
2006	3,8	169,4	231,50	6,6	23.563.200	-2,86	50,5	15,8	0,85	9.008	20,89
2007	3,96	58,6	-65,40	12,63	23.931.500	1,56	49,8	15,6	0,7	1.1204,6	24,38
2008	4,69	223,5	281,39	22,97	24.303.400	1,55	50,4	21,6	1,23	1.4218,4	26,89
2009	1,91	134,5	-39,82	6,88	24.605.900	1,24	51	13,5	4,68	1.3071,5	-8,06
2010	2,29	36,2	-73,08	11,75	23.890.300	-2,90	49,8	15,8	9,07	1.6460,3	25,92
2011	4,23	141,5	290,88	18,13	24.488.500	2,50	51,6	18,5	10,19	2.1780,6	32,32
2012	2,92	33,19	-34,14	6,81	24.560.400	0,29	51,3	18,25	1,55	2.2915,6	5,21
2013	2,63	97,67	4,80	6,04	24.569.900	0,03	51	12,25	0,51	2.2651,8	-1,15
2014	3,44	73,98	6,46	4,09	24.484.300	-0,34	50,8	10,25	1,03	2.4990,9	10,32
2015	2,41	258	148,12	0,6	23.135.700	-5,50	51,7	10,15	2,51	2.3676,1	-5,26
2016	1,36	133,5	-48,25	4,74	22.184.300	-4,11	54	10,15	1,15	2.4513,9	3,53
2017	2,9	191,6	43,52	3,53	21.458.700	-3,27	52,4	10,1	2,01	2.7953,3	14,03
2018	3,76	180,6	5,21	3,54	20.419.800	-4,84	53,1	8,91	1,04	2.9174,7	4,36
2019	2,2	104,1	-18,60	2,79	18.831.400	-7,77	55,3	8,5	2,03	2.9680,2	1,73

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Tổng cục Thống kê, Cục đầu tư nước ngoài và World Bank.

**Tài liệu tham khảo**

- Adamassie, A., & Matambalya, F. (2002), 'Technical efficiency of small and medium scale enterprises: Evidence from a survey of enterprises in Tanzania', *Eastern Africa Social Sciences Research Review*, 18, 1-30.
- Adewumi, S. (2006), 'The Impact of Foreign Direct Investment on Growth in Developing Countries: An African Experience', *Jönköping International Business School, Jönköping University, Jönköping*, 8(1), 43-51.
- Adugna, T. (2010), 'Structures, Opportunities and Impacts of Foreign Direct Investment in Agricultural Sector in Ethiopia', Thesis doctoral, Ethiopia Civil Service University.
- Ajuwoni, O., & Ogwumike, F. O. (2013), 'Uncertainty and foreign direct investment in Nigeria', *Mediterranean Journal of Social Science*, 4(1), 155-165.
- Akande, O. R., & Biam, C. K. (2011), 'Causal Relations between FDI in Agriculture and Agricultural output in Nigeria', *African Journal of Agricultural Research*, 1693-1699.
- Akinmulegun, S.O. (2018), 'Globalization and agricultural productivity paradigm: The Nigeria perspective', *Archives of Business Research*, 6(1), 94-104.
- Alfaro, L. (2003), 'Foreign Direct Investment and Growth: Does the Sector Matter?', Working Paper, Harvard Business School, Harvard.
- Almfraji, M.A. & Almsafir, M.K. (2014), 'Foreign Direct Investment and Economic Growth Literature Review from 1994 to 2012', *Procedia-Social and Behavioural Sciences*, 129, 206-213.
- Amani, K., Nyange, D.A, Kweka, J.P., & Leyaro. V., (2003), *Trade Policies and Agricultural Trade in the SADC Region: Challenges and Implications*, Report for Food, Agriculture Natural Resources Policy Network. Bank of

---

Tanzania. Economic Bulletin, Various Issues.

- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2019), *Báo cáo thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn*.
- Cục Đầu tư nước ngoài (2018), *Báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài*.
- Cục Đầu tư nước ngoài (2019), *Báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài*.
- Djokoto, J. G. (2011), 'Inward Foreign Direct Investment flows, Growth and Agriculture in Ghana, A Granger causal Analysis', *International Journal of Economics and Finance*, 3(6), 188-197.
- FAO (2012), *Trends and Impacts of Foreign Investment in Developing Country Agriculture: Evidence from Case Studies*, Food and Agriculture Organization of the United Nations, Rome, Italy.
- FAO (2014), *Impact of Foreign Agricultural Investment on Developing Countries: Evidence from Case Studies*, FAO Commodity and Trade Policy Research Working Paper No. 47.
- Görge, M., Rudloff, B., Simons, J., Üllenberg, A., Väh, S. & Wimmer, L. (2009), 'Foreign Direct Investment in Land in Developing Countries', doctoral dissertation, Deutsche Gesellschaft Technische Zusammenarbeit Germany.
- Hoàng Xuân Diễm & Đỗ Thị Thu Thủy (2019), *Investment in Agriculture in Recent Times: The Case of Vietnam*, JETRO.
- Kareem, R., Bakare, H., Raheem, K., Ologunla, S., Alawode, O., & Ademoyewa, G. (2013), 'Analysis of Factors Influencing Agricultural Output in Nigeria: Macro-economics Perspectives', *American Journal of Business, Economics and Management*, 1, 9-15.
- Oleyede, B.B. (2014), 'Impact of Foreign Direct Investment on Agricultural Development in Nigeria, (1981-2012)', *Kuwait Chapter of Arabian Journal of Business and Management Review*, 3, 14-24.
- Rakotoarisoa, M.A. (2011), *A Contribution to the Analysis of the Effects of Foreign Agricultural Investment on the Food Sector and Trade in Sub-Saharan Africa*, Food and Agriculture Organization of the United Nations, Rome, Italy.
- Tổng cục Thống kê (2019), *Niên giám thống kê các năm 2019*, NXB Thống kê.
- UNCTAD (2012), *Foreign Direct Investment and Development*, UNCTAD series on Issues in International Investment Agreements. Geneva: UNCTAD.
- World Trade Organisation (2008), *Trade and Foreign Direct Investment*, Press Release, Press 57, available from [https://www.wto.org/english/news\\_e/pres96\\_e/pr057\\_e.htm](https://www.wto.org/english/news_e/pres96_e/pr057_e.htm)
- Yiyong, C., Gunasekera, D. & Newth, D. (2015), 'Effects of Foreign Direct Investment in African Agriculture', *China Agricultural Economic Review*, 7, 167-184.